

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 8 - 2020
“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Dương.

Ông Nguyễn Thanh Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 224/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 498/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Lâm Như N, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Số 130/3, PHT, khóm H, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngô Thanh T, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Hẻm 70/11, khóm B, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/5/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Lâm Như N trình bày:

Chị Nguyễn Lâm Như N và anh Nguyễn Ngô Thanh T sống chung vào năm 2015 có tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán nhưng đến năm 2016 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2017 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh T ham chơi, không chăm lo cho vợ con khiến cho vợ chồng không hòa hợp, không có sự chia sẻ, thông cảm lẫn nhau gia đình không hạnh phúc. Nay chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng quá lớn không thể hàn gắn vì trước đây chị đã có nộp đơn đến Tòa án nhưng đã rút lại đơn khởi kiện để tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn với nhau nhưng không thể hàn gắn, hiện nay chị không còn tình cảm với anh T, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Lâm Trung H, sinh ngày 14/10/2015 và Nguyễn Lâm Trung H1, sinh ngày 17/7/2017. Hiện cháu H và cháu H1 đang sống chung với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H và cháu H1, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy

định của pháp luật. Tại phiên Tòa chị N thay đổi yêu cầu về con chung chị yêu cầu được nuôi cả hai người con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N khai không có.

Về nợ chung: Chị N khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh, chị.

Đối với Anh Nguyễn Ngô Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cả hai đương sự đều đang cư trú tại thành phố C nên vụ án được các định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C.

Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Ngô Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Lâm Như N và anh Nguyễn Ngô Thanh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị N cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, không có sự chia sẻ, thông cảm lẫn nhau, mỗi người có suy nghĩ riêng, anh T không lo làm và không chăm lo và thương yêu vợ con. Gia đình không hạnh phúc mặc dù chị đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn nhưng không thành. Chị khẳng định không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa.

Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân là mối quan hệ mà cả hai phải cùng có trách nhiệm và tinh thần xây dựng, thông cảm, chia sẻ lẫn nhau nhưng hiện nay chị N xác định đã không còn tình cảm với anh T và không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa. Mặc dù Tòa án đã động viên chị N nhưng chị không thay đổi ý kiến và thể hiện ý kiến cho dù Hội đồng xét xử có không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N thì chị N cũng không tiếp tục chung sống với anh T. Anh T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình, không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình chứng tỏ anh T không quan tâm và cũng không có mong muốn được hàn gắn với chị N. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T hiện nay không thể hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N cho chị N được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị N xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Lâm Trung H, sinh ngày 14/10/2015 và Nguyễn Lâm Trung H1, sinh ngày 17/7/2017.

Hiện cháu H và cháu H1 đang sống chung với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cả hai người con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao con cho cha hoặc mẹ T tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy, cháu H và cháu H1 hiện nay đang sống chung với chị N, cháu H sinh năm 2015, cháu H1 sinh năm 2017 hiện nay vẫn còn nhỏ và cần phải có sự chăm sóc của người mẹ và khi cha mẹ ly hôn cần tạo điều kiện tốt nhất cho con để tránh sự xáo trộn tâm lý của trẻ nên tiếp tục giao các cháu H, H cho chị N nuôi là phù hợp. Mặc dù, giao con cho chị N nuôi nhưng nếu trong thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng chị N gặp khó khăn hoặc cản trở việc anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đối với con thì anh T vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người T tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tại đơn khởi kiện chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa xét xử chị N thay đổi yêu cầu không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con vì chị có đủ điều kiện để nuôi dạy con, việc cấp dưỡng cho con hay không là sự tự nguyện của anh T. Xét thấy việc thay đổi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị N nên được chấp nhận.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị N khai không có, không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình chị N phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Lâm Như N.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Lâm Như N được ly hôn với anh Nguyễn Ngô Thanh T.

- Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Lâm Trung H, sinh ngày 14/10/2015 và Nguyễn Lâm Trung H1, sinh ngày 17/7/2017 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Lâm Như N phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 05/5/2020, chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0001741 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Lâm Như N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Ngô Thanh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường T, Tp C;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trần Huyền Trân

